

Bản án số: 33/2019/HSST

Ngày: 20 - 25/06/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H1 XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TH O, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần H2 đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Thắng

Các H2 thẩm nhân dân: Ông Lê Huy Trọng

Bà Nguyễn Thị Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Th O, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Th O, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 đến ngày 25 tháng 6 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Th O, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 27/2019/TLST-HS ngày 03/04/2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Tạ Đình Q**, Sinh năm: 1961; Tên gọi khác: Không; Quê quán: Xã T H, huyện Th O, thành phố Hà Nội; HKTT: Thôn Đ Đ, xã T H, huyện Th O, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Bảo vệ; Trình độ văn hoá: 10/10; Họ và tên bố: Tạ Đình A; (Đã chết); Họ và tên mẹ: Nhữ Thị Th; (Đã chết); Gia đình bị cáo có 05 anh em, bị cáo là con thứ năm; Vợ: Nguyễn Thị Nh; Sinh năm 1961; Con: Bị cáo có 02 con, con thứ nhất sinh năm 1986, con thứ hai sinh năm 1988; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 20/12/1994 bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 02 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 năm về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, đã được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26/10/2018, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số II - Công an thành phố Hà Nội. Tại phiên tòa có mặt.

Họ và tên: **Nguyễn Thị Nh**; Sinh năm: 1961; Tên gọi khác: Không; Quê quán: Xã T H, huyện Th O, thành phố Hà Nội; HKTT: Thôn Đ Đ, xã T H, huyện Th O, thành phố Hà; Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 7/10; Họ và tên bố: Nguyễn Văn K; (Đã chết); Họ và tên mẹ: Phan Thị B(Đã chết); Gia đình bị cáo có 06 chị em, bị cáo là con thứ nhất; Chồng: Tạ Đình Q, Sinh năm 1961; Con: Bị cáo có 02 con, con thứ nhất sinh năm 1986, con thứ hai sinh năm 1988; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Tại phiên tòa có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Q và bị cáo Nh: Bà Vũ Thị Viên – luật sư, văn phòng luật sư Đông Hà, Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội. Có mặt

Người bị hại:

1- Anh Lê Văn Q1, sinh năm 1980

2- Chị Đặng Thị Kim Th, sinh năm 1980

Đều trú tại: Tổ dân phố Chợ, xã Đ M, quận Nam Từ L, Thành phố Hà Nội. Có mặt đủ tại phiên tòa

Người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan:

1- Anh Trịnh Hoài Ph, sinh năm 1971

Trú tại: Số Lò Đúc, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội. Có mặt

2- Chị Nguyễn Thị Minh H, sinh năm 1960

Trú tại: phố Cửa Bắc, phường Trúc Bạch, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

Người đại diện theo ủy Q của chị Nguyễn Thị M H và anh Trịnh H1 Ph là chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1966

Trú tại: 19/30 Ngõ 640 đường Láng, Tổ 1, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội. Có mặt

Người bảo vệ Q và lợi ích hợp pháp của anh Ph và chị H: Ông Tống Xuân Thu – Luật sư, Công ty Luật TNHH Sen Th, Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội. Có mặt

Người làm chứng:

1- Anh Nguyễn Hữu H2, sinh năm 1975

Trú tại: Xóm cộng H1, xã Hữu H1, huyện Th O, Thành Phố Hà Nội. Có mặt

2- Chị Đào Thị M, sinh năm 1966

Trú tại: thôn Đ Đ, xã T H, huyện Th O, Thành phố Hà Nội.

3- Anh Lê Trọng Th, sinh năm 1955

Trú tại: Thôn 01, xã Đông Mỹ, huyện Th Trì, Thành phố Hà Nội.

4- Anh Phạm Duy D, sinh năm 1969

Trú tại: Thôn 01, xã Đông Mỹ, huyện Th Trì, Thành phố Hà Nội. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 1999 hộ gia đình ông Tạ Đình Q, vợ là Nguyễn Thị Nh cùng các con là Tạ Đình Chúc, Tạ Thị Nh, hộ khẩu thường trú tại thôn Đ Đ, xã T H, huyện Th O, TP Hà Nội được Ủy ban nhân dân huyện Th O, thành phố Hà Nội giao Q sử dụng thửa đất số 343 tờ bản đồ số 03, Khu Mả Muốn, thôn Đ Đ, xã T H, huyện Th O,

thành phố Hà Nội, diện tích 180m², mục đích sử dụng là đất nông nghiệp. Sau đó, do cùng làm việc tại Trung tâm hỗ trợ sáng tác văn học nghệ thuật thuộc Bộ văn hóa, thể thao & Du lịch với ông Trương Hoài Ph, sinh năm 1971, trú tại số 190 Lò Đúc, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội nên năm 2009 Tạ Đình Q trao đổi với ông Ph về việc gia đình muốn bán thửa đất này thì ông Ph rủ thêm bà Nguyễn Thị Minh H, sinh năm 1960, trú tại số 32B, phố Cửa Bắc, phường Trúc Bạch, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội cùng mua chung thửa đất số 343 tờ bản đồ số 03, khu Mả Muốn, thôn Đ Đ, xã T H, huyện Th O, thành phố Hà Nội, diện tích 180m² của gia đình Tạ Đình Q.

Ngày 26/5/2009 tại nhà của gia đình Tạ Đình Q thuộc thôn Đ Đ, xã T H, huyện Th O thì vợ chồng ông Ph và bà H cùng gia đình ông Tạ Đình Q và vợ là Nguyễn Thị Nh làm giấy mua bán đất. Cụ thể: Gia đình ông Tạ Đình Q, Nguyễn Thị Nh bán cho vợ chồng ông Ph, bà H thửa đất số 343, tờ bản đồ số 03, khu Mả Muốn, xã T H, huyện Th O, diện tích 180m², loại đất nông nghiệp, trong đó ông Ph và vợ là bà Nguyễn Thị Cam mua 100m², bà H mua 80m², giá thỏa thuận là 2.000.000 đồng/m². Việc mua bán đất trên hai bên làm giấy chuyển nhượng đất (viết tay) và giấy biên nhận tiền có chữ ký của cả bên bán là ông Q cùng vợ là Nguyễn Thị Nh và chữ ký của bên mua. Vợ chồng ông Ph đã trả đủ số tiền mua đất là 200.000.000 đồng, bà H trả đủ số tiền mua đất là 160.000.000 đồng. Các bên thỏa thuận là hiện tại mua bán xong thì hộ ông Q vẫn đứng tên trong giấy chứng nhận Q sử dụng đất, khi nào xã T H có đợt sang tên chuyển Q sử dụng đất thì bên bán là hộ ông Q sẽ có trách nhiệm giúp làm các thủ tục chuyển nhượng Q sử dụng đất, sau đó các con của Tạ Đình Q, Nguyễn Thị Nh là Tạ Đình Chúc, Tạ Thị Nh cũng đã ký tên vào giấy bán đất cho ông Ph và bà H. Sau khi mua bán đất một thời gian ông Ph có nói với Q là nếu có ai hỏi mua lại thì giới thiệu cho vợ chồng ông Ph, không nhờ ông Q đứng ra bán hộ mảnh đất trên. Còn bà H không nhờ ông Q bán hộ mảnh đất trên. Từ năm 2009 đến năm 2017 vợ chồng ông Ph và bà H nhiều lần gặp yêu cầu Q làm các thủ tục chuyển Q sử dụng đất, nhưng Q lấy lý do là các con không đồng ý bán để không thực hiện hợp đồng.

Đến tháng 10/2011, ông Nguyễn Hữu H2, sinh năm 1975, trú tại xã Hữu H1, huyện Th Trì, thành phố Hà Nội dẫn anh Lê Văn Q1, sinh năm 1980, trú xã Đ M, quận Nam Từ L, thành phố Hà Nội vào xã T H tìm mua đất. Do có mối quan hệ quen biết từ trước với bà Đào Thị M, sinh năm 1962, cùng trú tại thôn Đ Đ, xã T H, huyện Th O nên ông H2 có nhờ bà M tìm người bán đất thì bà M dẫn ông H2 và anh Q1 đến gặp Tạ Đình Q để hỏi mua đất. Sau khi gặp nhau thì Q giới thiệu có mảnh đất vị trí thửa 343, tờ bản đồ số 03, loại đất nông nghiệp khu Mả Muốn, thôn Đ Đ, xã T H, huyện Th O với diện tích 180m² và cho anh Q1 xem giấy chứng nhận Q sử dụng đất mang tên hộ ông Tạ Đình Q. Do tin tưởng hộ ông Tạ Đình Q vẫn là chủ sử dụng thửa đất này nên anh Q1 đã đồng ý mua đất, giá thỏa thuận là 4.000.000 đồng/m².

Ngày 17/10/2011, hai bên lập hợp đồng mua bán tại nhà Tạ Đình Q gồm có bên bán là Tạ Đình Q cùng vợ là Nguyễn Thị Nh, bên mua có anh Lê Văn Q1 và vợ là Đặng Thị Kim Th, ngoài ra có hai người làm chứng là ông H2 và bà M. Việc mua

bán hai bên làm hợp đồng chuyển nhượng Q sử dụng đất, diện tích mua bán là 107,25m². Sau đó thấy số tiền và số diện tích đất chưa tròn nên hai bên thống nhất viết thêm 01 giấy chuyển Q sử dụng đất nữa, giấy này do chính tay Tạ Đình Q viết với nội dung Tạ Đình Q chuyển nhượng cho anh Q1 đất nông nghiệp đã được chuyển đổi thành quỹ đất I, diện tích 109m², giá 4.000.000 đồng/ m², tổng số bằng 436.000.000 đồng. Cả hai hợp đồng chuyển nhượng Q sử dụng đất và Giấy chuyển Q sử dụng đất nông nghiệp đều có giá trị do bên bán gồm Tạ Đình Q, Nguyễn Thị Nh cùng con trai là Tạ Đình Chức và bên mua là Lê Văn Q1, người làm chứng Nguyễn Hữu H2 cùng ký vào hợp đồng. Ngay sau khi lập xong hợp đồng thì vợ chồng anh Q1 đã trả đủ số tiền mua đất cho vợ chồng Tạ Đình Q và Nguyễn Thị Nh trực tiếp nhận, đếm số tiền 436.000.000 đồng. Việc lập hợp đồng và trả tiền đều có sự chứng kiến của ông H2 và bà M.

Sau khi bán thửa đất 343, tờ bản đồ số 03, loại đất nông nghiệp khu Mả Muồn, thôn Đ Đ, xã T H, Th O cho cả ông Ph, bà H rồi Tạ Đình Q, Nguyễn Thị Nh lại bán cho anh Q1 thì đến năm 2017 những người mua đất phát hiện hành vi gian dối bán đất 02 lần của Tạ Đình Q và Nguyễn Thị Nh, nên cả 03 người mua đất gồm ông Trương Hoài Ph, bà Nguyễn Thị Minh H và anh Lê Văn Q1 đều có đơn tố cáo hành vi chiếm đoạt tài sản của Tạ Đình Q và Nguyễn Thị Nh đến Công an huyện Th O.

Qua điều tra xác định thửa đất Tạ Đình Q, Nguyễn Thị Nh bán cho ông Ph, bà H ngày 26/5/2009 và thửa đất Tạ Đình Q, Nguyễn Thị Nh bán cho anh Q1 ngày 17/10/2011 là cùng một thửa.

Quá trình điều tra Tạ Đình Q, Nguyễn Thị Nh đều không thừa nhận hành vi gian dối để chiếm đoạt tài sản và không thừa nhận đã nhận số tiền 436.000.000 đồng của vợ chồng anh Q1, chị Th giao, nhưng Tạ Đình Q thừa nhận là người trực tiếp ký xác nhận Giấy mua bán đất ghi ngày 26/5/2009, trực tiếp ký xác nhận Hợp đồng chuyển nhượng Q sử dụng đất và trực tiếp viết, ký xác nhận Giấy chuyển Q sử dụng đất nông nghiệp đều ghi ngày 17/10/2011 cho anh Lê Văn Q1, còn Nguyễn Thị Nh thừa nhận mình trực tiếp ký xác nhận vào các giấy tờ đó. Hành vi phạm tội của Tạ Đình Q, Nguyễn Thị Nh được chứng minh bằng chính lời khai của các bị can, lời khai của người bị hại Lê Văn Q1, Đặng Thị Kim Th; lời khai của các người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan Trương Hoài Ph, Nguyễn Thị Minh H; lời khai người làm chứng Nguyễn Hữu H2, Đào Thị M và các tài liệu điều tra có trong hồ sơ vụ án.

Cáo trạng số 26 ngày 27 tháng 03 năm 2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện Th O truy tố bị cáo Tạ Đình Q và Nguyễn Thị Nh về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, theo quy định tại khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Tại phiên tòa, các bị cáo không nhận tội.

Luật sư bào chữa cho các bị cáo có quan điểm: Lời khai của anh H2, anh Q1, chị Th, bà M có mâu thuẫn, đề nghị áp dụng khoản 6 Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự. Trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

Người bị hại có quan điểm: Yêu cầu bồi thường số tiền gốc và lãi kể từ ngày 17/10/2011 theo lãi suất ngân hàng. Về trách nhiệm hình sự đề nghị xử nghiêm theo quy định của pháp luật.

Người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan có quan điểm: Không nhờ vợ chồng bị cáo bán đất. Việc bị cáo khai là nhờ bán đất là không đúng. Đề nghị H2 đồng xem xét buộc các bị cáo trả lại cho chúng tôi đất đã mua và không lấy bằng tiền.

Người bảo vệ Q và lợi ích hợp pháp cho người liên quan có quan điểm: Ông Ph và bà Hung không có nhờ bị cáo bán đất. Việc bị cáo khai là không đúng.

Do sự việc mua bán đất giữa ông Ph, bà H và các bị cáo đã tách không xem xét trong bản án này. Vì vậy chúng tôi sẽ có yêu cầu khởi kiện sau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Th O giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo và đề nghị áp dụng:

Áp dụng khoản 3 Điều 7, Khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Tạ Đình Q từ 10 đến 11 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 26/10/2018

Bị cáo Nguyễn Thị Nh từ 7 đến 8 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Phạt bổ sung cho bị cáo Tạ Đình Q từ 20 – 30 triệu đồng để sung công quỹ Nhà Nước.

Miễn phạt bổ sung cho bị cáo Nguyễn Thị Nh

Trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Tạ Đình Q và Nguyễn Thị Nh phải hoàn trả cho người bị hại là anh Lê Văn Q1 và chị Đặng Thị Kim Th 436.000.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu trả tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. H2 đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tháng 10/2011 tại thôn Đ Đ, xã T H, huyện Th O, thành phố Hà Nội, Tạ Đình Q và Nguyễn Thị Nh đã dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt của anh Lê Văn Q1 và chị Đặng Thị Kim Th 436.000.000 đồng.

Đủ cơ sở kết luận bị cáo Tạ Đình Q và Nguyễn Thị Nh phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, theo quy định tại khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến Q sở hữu tài sản của công dân. Gây mất trật tự tại địa pH. Vì vậy, cần phải được xử lý để giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung trong xã H2.

Xét vai trò của từng bị cáo trong vụ án:

Đối với bị cáo Tạ Đình Q có vai trò chủ mưu và quyết định trong vụ án.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị Nh: Có vai trò giúp sức, tạo lòng tin cho người bị hại để Tạ Đình Q thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo Nguyễn Thị Nh phạm tội lần đầu, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự. Phạm tội do Tạ Đình Q chỉ đạo. Vì vậy cần cho bị cáo Nguyễn Thị Nh mức án phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo để thể hiện tính nhân đạo trong pháp luật hình sự và tính răn đe phòng ngừa chung trong xã H2.

[3] Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung bằng tiền cho các bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Tạ Đình Q, Nguyễn Thị Nh phải bồi thường cho người bị hại là anh Lê Văn Q1 và chị Đặng Thị Kim Th 436.000.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu tính tiền lãi của người bị hại, vì hợp đồng giữa người bị hại và các bị cáo đã bị vô hiệu từ khi ký kết hợp đồng.

[5] Vụ án trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đảm bảo tính hợp pháp của các quyết định tố tụng và đảm bảo đúng trình tự tố tụng.

Án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Đối với Tạ Đình Chức là con trai Tạ Đình Q, Nguyễn Thị Nh đã ký vào các hợp đồng chuyển nhượng Q sử dụng đất của gia đình cho ông Trương Hoài Ph, bà Nguyễn Thị Minh H ngày 26/5/2009 và hợp đồng ngày 17/10/2011 cho anh Lê Văn Q1, nhưng Chức không biết việc Tạ Đình Q và Nguyễn Thị Nh gian dối để chiếm đoạt tài sản của anh Q1. Vì vậy Chức không đồng phạm, nên không nên CQCSĐT không đề cập xử lý là có căn cứ.

Đối với Tạ Thị Nh là con gái Tạ Đình Q, Nguyễn Thị Nh cũng đã ký vào các hợp đồng chuyển nhượng Q sử dụng đất của gia đình cho ông Trương Hoài Ph, bà Nguyễn Thị Minh H ngày 26/5/2009 và hợp đồng ngày 17/10/2011 cho anh Lê Văn Q1. Cơ quan điều tra đã nhiều lần triệu tập Nh đến làm việc, quá trình xác minh Nh không có mặt ở địa pH nên Cơ quan điều tra quyết định tách rút tài liệu liên quan đối với Nh để tiếp tục điều tra làm rõ, khi nào đủ chứng cứ sẽ xử lý sau là có căn cứ.

Về việc tranh chấp mua bán, chuyển Q sử dụng thửa đất số 343, tờ bản đồ số 03, loại đất nông nghiệp khu Mả Muồn, thôn Đ Đ, xã T H, huyện Th O, Th phố Hà Nội giữa ông Trương Hoài Ph, bà Nguyễn Thị Minh H với Tạ Đình Q, Nguyễn Thị Nh là tranh chấp dân sự. Vì vậy không giải quyết trong vụ án này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Tạ Đình Q, Nguyễn Thị Nh phạm tội “**Lừa đảo chiếm đoạt tài sản**”

1- **Áp dụng:** Khoản 3 Điều 7; Khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự

- Các Điều 106, 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc H2 về án phí, lệ phí.

Xử phạt: Bị cáo Tạ Đình Q 11 (mười một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 26/10/2018.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Nh 7 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Tạ Đình Q, Nguyễn Thị Nh phải hoàn trả cho người bị hại là vợ chồng anh Lê Văn Q1 và chị Đặng Thị Kim Th 436.000.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu tính tiền lãi của người bị hại là anh Lê Văn Q1 và chị Đặng Thị Kim Th.

Các bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Tạ Đình Q và Nguyễn Thị Nh, mỗi bị cáo phải nộp 10.720.000 đồng án phí dân sự trong hình sự.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo, người bị hại có mặt. Có Q kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Có Q làm đơn kháng phần bản án có liên quan đến Q và lợi ích của mình trong hạn 15 ngày. Kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Th O;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- người có Q lợi,
- nghĩa vụ liên quan;
- Lưu:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Bá Thắng

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Th O;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- người có Q lợi,
- nghĩa vụ liên quan;
- Lưu:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Bá Thắng

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Th O;
- Bị cáo;
- Lưu:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Bá Thắng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bá Thắng